

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-44



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/01/2013
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 29/01/2013
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2013
Ông Phạm Ngọc Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 26 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác (Công ty TNHH Kiểm toán ASC). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 11 tháng 04 năm 2013. Như đã trình bày tại thuyết minh số 03, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính của năm 2012 và nhận thấy các ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 không còn ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Tổng Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2013	31/12/2013
			(Trình bày lại)	VND
			VND	
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.104.309.339.000	3.204.004.185.828
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	704.858.745.045	494.352.346.689
111	1. Tiền		195.370.729.769	255.735.206.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		509.488.015.276	238.617.140.551
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	285.560.482.300	277.546.592.442
121	1. Đầu tư ngắn hạn		300.611.156.200	294.156.148.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.050.673.900)	(16.609.555.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		931.631.508.720	1.089.838.390.170
131	1. Phải thu của khách hàng		853.255.780.739	1.026.964.385.967
132	2. Trả trước cho người bán		66.199.038.973	93.383.285.900
135	5. Các khoản phải thu khác	6	41.511.679.095	18.331.434.065
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.334.990.087)	(48.840.715.762)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.135.007.713.906	1.291.572.470.666
141	1. Hàng tồn kho		1.136.028.670.878	1.293.910.832.046
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.020.956.972)	(2.338.361.380)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.250.889.029	50.694.385.861
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.219.182.535	1.913.656.781
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.879.463.804	19.480.327.919
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		740.534.207	677.639.585
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	39.411.708.483	28.622.761.576
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.477.089.112.130	1.532.792.407.103
220	II. Tài sản cố định		885.427.181.270	934.063.765.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	566.745.406.777	665.097.613.550
222	- Nguyên giá		1.233.730.302.453	1.401.564.230.025
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(666.984.895.676)	(736.466.616.475)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	77.616.811.450	75.255.535.032
228	- Nguyên giá		84.890.439.589	83.777.511.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.273.628.139)	(8.521.976.198)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	241.064.963.043	193.710.617.297
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	490.192.790.668	467.069.085.101
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		476.234.730.612	456.459.772.656
258	3. Đầu tư dài hạn khác		15.251.234.056	11.915.508.445
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.293.174.000)	(1.306.196.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		101.469.140.192	131.659.556.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	88.105.685.024	120.618.018.136
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	5.297.407.168	2.975.489.987
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.066.048.000	8.066.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.581.398.451.130	4.736.796.592.931

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2013	31/12/2013
			(Trình bày lại)	VND
				VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ			2.202.869.076.920
310	I. Nợ ngắn hạn			2.073.644.434.519
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14		742.819.840.708
312	2. Phải trả người bán			582.868.138.493
313	3. Người mua trả tiền trước			72.637.780.635
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15		56.086.023.689
315	5. Phải trả người lao động			113.550.404.807
316	6. Chi phí phải trả	16		95.285.536.955
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17		361.232.297.840
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			18.638.353.874
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			30.526.057.518
330	II. Nợ dài hạn			129.224.642.401
333	3. Phải trả dài hạn khác			4.285.633.992
334	4. Vay và nợ dài hạn	18		42.825.353.442
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2		495.237.785
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			32.014.454.211
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			42.104.962.971
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			7.499.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU			2.082.554.279.301
410	I. Vốn chủ sở hữu	19		2.079.711.328.245
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu			1.400.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			47.513.826.624
414	4. Cổ phiếu quỹ			(5.025.000.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			819.607.405
417	7. Quỹ đầu tư phát triển			30.075.806.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính			34.504.658.743
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			186.096.715
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			571.636.332.758
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			2.842.951.056
432	1. Nguồn kinh phí			1.723.020.735
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			1.119.930.321
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ			451.373.236.710
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			4.736.796.592.931
				4.581.398.451.130

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01/01/2013 (Trình bày lại)	
		31/12/2013	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		14.975.717.710	182.185.560
4. Nợ khó đòi đã xử lý		9.630.621.748	9.630.621.748
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		966.548,67	1.098.102,79
- Đồng Bảng Anh (GBP)		196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,75	1.923,55
- Đồng Euro (EUR)		630,91	1.377,43
- Đồng đô la Úc (AUD)		150,00	2.250,00
- Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00


Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởngNguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.397.259.851.934	6.231.380.718.381
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	9.176.667.179	7.558.735.304
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	7.388.083.184.755	6.223.821.983.077
11	4. Giá vốn hàng bán	23	6.328.873.326.859	5.258.595.547.573
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.059.209.857.896	965.226.435.504
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	52.925.442.017	161.929.645.381
22	7. Chi phí tài chính	25	105.276.658.262	123.739.932.398
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		92.961.435.440	75.966.119.079
24	8. Chi phí bán hàng	26	253.093.440.008	159.235.296.212
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	294.157.757.185	291.857.085.544
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		459.607.444.458	552.323.766.731
31	11. Thu nhập khác	28	14.182.134.109	6.070.338.535
32	12. Chi phí khác	29	5.555.037.796	1.717.733.969
40	13. Lợi nhuận khác		8.627.096.313	4.352.604.566
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		66.971.461.804	41.092.243.154
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		535.206.002.575	597.768.614.451
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.1	122.340.415.219	110.770.065.475
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.2	1.255.682.877	4.111.171.346
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		411.609.904.479	482.887.377.630
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		102.056.549.097	98.710.028.274
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>309.553.355.382</u>	<u>384.177.349.356</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.215	2.744

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

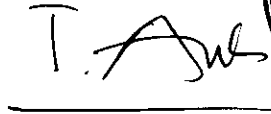
(Theo phương pháp trực tiếp)

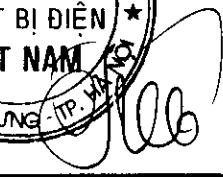
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	(Trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		7.999.715.372.562	6.838.320.854.206
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(6.892.339.238.809)	(6.036.959.420.132)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(382.475.129.152)	(352.305.462.646)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(92.208.666.616)	(104.969.162.415)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(109.930.530.076)	(143.494.384.513)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		231.036.281.931	995.050.820.656
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(541.859.920.010)	(604.578.825.118)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		211.938.169.830	591.064.420.038
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(202.355.488.385)	(356.736.397.890)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.766.662.300	776.839.601
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(274.271.523.924)	(421.520.914.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		379.269.800.301	120.206.942.924
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(72.180.179.404)	(8.101.553.600)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.265.121.600	4.701.151.170
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		50.791.125.359	182.219.365.594
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(86.714.482.153)	(478.454.566.201)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(5.025.000.000)	156.900.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.233.157.511.989	1.610.291.244.811
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.277.885.260.144)	(1.463.157.410.526)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(286.031.320.000)	(176.866.826.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(335.784.068.155)	(29.576.092.240)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(210.560.380.478)	83.033.761.597

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2013
(Theo phương pháp trực tiếp)*

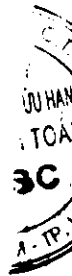
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	(Trình bày lại) VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		704.858.745.045	621.788.868.156
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		53.982.122	36.115.292
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	494.352.346.689	704.858.745.045


Đoàn Thị Lan Phương
Người lập


Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2013****1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Các công ty con sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	65,09%	65,26%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	81,54%	81,65%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí Cụ điện 1	Thành phố Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Các công ty con sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	34,27%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	62,61%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Công ty CP Cơ điện Hà Nội ⁽¹⁾	Thành phố Hà Nội	41,55%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	43,91%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai ⁽²⁾	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(1) Kể từ ngày 03/07/2013, Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập là 1:1.

(2) Công ty do Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam sở hữu 100% vốn, chính thức đi vào hoạt động và được hợp nhất vào báo cáo tài chính Tổng Công ty từ ngày 01/07/2013.

Các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Các công ty liên kết:

Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (Tổng Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội).

Các công ty liên doanh:

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem tại Thuyết minh số 12.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.7 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.10 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chí phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chí phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa 3 năm tài chính.

2.13 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.19 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo của Tổng Công ty được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch; trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài;
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phải được phân loại như là vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

2.20 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty đã được kiểm toán chưa bao gồm số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 của công ty con là Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia); các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết chưa được đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu; một số giao dịch nội bộ giữa các thành viên trong Tổng Công ty chưa được loại trừ do chưa có đủ thông tin. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.121.888.803.502	3.104.309.339.000	(17.579.464.502)	(1,2,3)
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	700.702.879.219	704.858.745.045	4.155.865.826	(1)
Tiền	111	191.214.863.943	195.370.729.769	4.155.865.826	(1)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	283.933.012.300	285.560.482.300	1.627.470.000	(1)
Đầu tư ngắn hạn	121	298.983.686.200	300.611.156.200	1.627.470.000	(1)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	955.639.420.107	931.631.508.720	(24.007.911.387)	(1)
Phải thu của khách hàng	131	845.708.849.915	853.255.780.739	7.546.930.824	(1)
Trả trước cho người bán	132	62.545.310.192	66.199.038.973	3.653.728.781	(1)
Các khoản phải thu khác	135	76.720.250.087	41.511.679.095	(35.208.570.992)	(3)
Hàng tồn kho	140	1.134.362.602.847	1.135.007.713.906	645.111.059	(1)
Hàng tồn kho	141	1.135.383.559.819	1.136.028.670.878	645.111.059	(1)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.425.489.203.812	1.477.089.112.130	51.599.908.318	(1)
Tài sản cố định	220	845.246.170.243	885.427.181.270	40.181.011.027	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	550.045.841.502	566.745.406.777	16.699.565.275	(1)
Nguyên giá	222	1.217.030.737.178	1.233.730.302.453	16.699.565.275	(1)
Tài sản cố định vô hình	227	56.090.770.611	77.616.811.450	21.526.040.839	(1)
Nguyên giá	228	63.364.398.750	84.890.439.589	21.526.040.839	(1)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	239.109.558.130	241.064.963.043	1.955.404.913	(1)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	478.924.907.416	490.192.790.668	11.267.883.252	(1)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)					
Đầu tư vào công ty con	251	23.890.825.111	-	(23.890.825.111)	(2)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	443.464.772.379	476.234.730.612	32.769.958.233	(1)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(3.681.924.130)	(1.293.174.000)	2.388.750.130	(1)
Tài sản dài hạn khác	260	101.318.126.153	101.469.140.192	151.014.039	(1)
Chi phí trả trước dài hạn	261	87.954.670.985	88.105.685.024	151.014.039	(1)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	4.547.378.007.314	4.581.398.451.130	34.020.443.816	(1,2,3)
NỢ PHẢI TRẢ	300	2.282.714.760.961	2.283.457.724.055	742.963.094	(1,2,3)
Nợ ngắn hạn	310	2.149.421.061.414	2.149.566.836.975	145.775.561	(1)
Phải trả người bán	312	398.498.493.316	433.798.270.509	35.299.777.193	(1)
Người mua trả tiền trước	313	49.204.268.153	49.258.837.513	54.569.360	(1)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	684.504.779.194	649.296.208.202	(35.208.570.992)	(3)
Nợ dài hạn	330	133.293.699.547	133.890.887.080	597.187.533	(2)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	597.187.533	597.187.533	(2)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.836.818.892.346	1.876.158.431.087	39.339.538.741	(1,2,3)
Vốn chủ sở hữu	410	1.829.708.425.122	1.869.047.963.863	39.339.538.741	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	381.341.430.229	420.680.968.970	39.339.538.741	(1,2)
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ	439	427.844.354.007	421.782.295.988	(6.062.058.019)	(1)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	4.547.378.007.314	4.581.398.451.130	34.020.443.816	(1,2,3)
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán					
Đồng đô la Mỹ (USD)		1.097.876,96	1.098.102,79	225,83	(1)
Đồng Bảng Anh (GBP)		-	196,59	196,59	(1)
Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		-	1.923,55	1.923,55	(1)
Đồng Euro (EUR)		1.377,43	1.377,43	-	(1)
Đồng đô la Úc (AUD)		-	2.250,00	2.250,00	(1)
Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00	-	(1)

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh hồi tố</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.171.078.838.782	6.231.380.718.381	60.301.879.599	(1)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.163.520.103.478	6.223.821.983.077	60.301.879.599	(1)
Giá vốn hàng bán	11	5.203.204.136.197	5.258.595.547.573	55.391.411.376	(1)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	960.315.967.281	965.226.435.504	4.910.468.223	(1)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	161.798.804.926	161.929.645.381	130.840.455	(1)
Chi phí tài chính	22	123.614.547.838	123.739.932.398	125.384.560	(1)
Chi phí bán hàng	24	158.563.409.509	159.235.296.212	671.886.703	(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	288.242.725.432	291.857.085.544	3.614.360.112	(1)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	551.694.089.428	552.323.766.731	629.677.303	(1)
Thu nhập khác	31	6.032.223.295	6.070.338.535	38.115.240	(1)
Lợi nhuận khác	40	4.314.489.326	4.352.604.566	38.115.240	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	597.100.821.908	597.768.614.451	667.792.543	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	482.219.585.087	482.887.377.630	667.792.543	(1)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	62	383.509.556.813	384.177.349.356	667.792.543	(1)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	2.744	2.744	(1)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh hồi tố</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.779.256.172.178	6.838.320.854.206	59.064.682.028	(1)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(5.997.719.577.896)	(6.036.959.420.132)	(39.239.842.236)	(1)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(350.120.322.185)	(352.305.462.646)	(2.185.140.461)	(1)
Tiền chi trả lãi vay	04	(104.843.777.855)	(104.969.162.415)	(125.384.560)	(1)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	984.641.440.931	995.050.820.656	10.409.379.725	(1)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(592.792.677.311)	(604.578.825.118)	(11.786.147.807)	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	574.926.873.349	591.064.420.038	16.137.546.689	(1)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(342.695.833.403)	(356.736.397.890)	(14.040.564.487)	(1)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(415.272.514.000)	(421.520.914.000)	(6.248.400.000)	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(458.165.601.714)	(478.454.566.201)	(20.288.964.487)	(1)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.609.249.844.811	1.610.291.244.811	1.041.400.000	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.617.492.240)	(29.576.092.240)	1.041.400.000	(1)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	86.143.779.395	83.033.761.597	(3.110.017.798)	(1)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	614.522.983.992	621.788.868.156	7.265.884.164	(1)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	700.702.879.219	704.858.745.045	4.155.865.826	(1)

(1) Điều chỉnh ảnh hưởng do tiến hành hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)

(2) Điều chỉnh ảnh hưởng do hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(3) Điều chỉnh giao dịch nội bộ Tổng công ty và các công ty thành viên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	4.311.827.081	5.054.104.955
Tiền gửi ngân hàng	251.423.379.057	190.316.624.814
Các khoản tương đương tiền	238.617.140.551	509.488.015.276
	494.352.346.689	704.858.745.045

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	24.230.756.200	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	269.925.392.042	276.380.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16.609.555.800)	(15.050.673.900)
	277.546.592.442	285.560.482.300

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		24.230.756.200		24.230.756.200
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội	1.732.091	24.230.756.200	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng		219.040.272.042		254.210.400.000
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam		160.000.272.042		230.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội		22.848.000.000		-
Công ty Liên Doanh Thibidi (Cambodia)		4.217.000.000		6.248.400.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội		21.875.000.000		17.962.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic		100.000.000		-
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI		10.000.000.000		-
Cho vay ngắn hạn		50.885.120.000		22.170.000.000
Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari		12.385.120.000		10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội		4.500.000.000		4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội		1.000.000.000		5.670.000.000
Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng		33.000.000.000		-
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Sông Tích		-		2.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(16.609.555.800)		(15.050.673.900)
Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội		(16.609.555.800)		(15.050.673.900)
		277.546.592.442		285.560.482.300

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	6.700.000
Phải thu về người lao động	-	37.393.200
Phải thu về bảo hiểm xã hội	739.479.113	117.283.218
Phải thu về bảo hiểm y tế	18.511.199	26.922.377
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.136.030	10.075.164
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.484.786.500	4.777.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.338.339.550	1.971.161.701
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	-	4.703.340.818
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân nộp hộ người lao động	5.271.448.321	1.867.542.993
Phải thu về đóng góp xây dựng hạ tầng KCN Hoàn Sơn, Bắc Ninh	-	3.000.000.000
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	16.206.840.000
Phải thu khác	7.466.733.352	8.786.633.124
	18.331.434.065	41.511.679.095

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	784.613.505	-
Nguyên liệu, vật liệu	489.915.959.735	404.743.842.863
Công cụ, dụng cụ	2.925.964.030	2.187.051.712
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	142.545.586.914	159.774.320.038
Thành phẩm	607.316.083.381	530.371.264.361
Hàng hoá	46.117.378.394	36.595.479.951
Hàng gửi đi bán	4.305.246.087	2.356.711.953
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.338.361.380)	(1.020.956.972)
	1.291.572.470.666	1.135.007.713.906

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	13.499.866.025	12.715.802.269
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.243.966.417	8.897.392.801
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	13.878.929.134	17.798.513.413
	28.622.761.576	39.411.708.483

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2013	474.909.936.887	640.838.516.010	88.332.499.864	29.531.299.692	118.050.000	1.233.730.302.453	
Mua sắm	18.069.579.543	41.836.966.938	2.049.877.094	918.635.501	-	62.875.059.076	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	77.254.893.768	59.627.513.463	1.773.813.706	675.208.100	-	139.331.429.037	
Tăng khác	203.007.521	-	25.670.445	2.442.833	-	231.120.799	
Chuyển sang bất động sản đầu tư					-	-	
Thanh lý, nhượng bán	(2.839.884.359)	(6.055.121.584)	(99.214.286)	(133.833.775)	(21.650.000)	(9.149.704.004)	
Giảm khác	(2.776.634.881)	(12.515.348.442)	(2.870.390.745)	(7.275.603.268)	(16.000.000)	(25.453.977.336)	
Tại ngày 31/12/2013	564.820.898.479	723.732.526.385	89.212.256.078	23.718.149.083	80.400.000	1.401.564.230.025	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2013	203.165.899.857	398.881.812.264	51.579.923.819	13.278.384.730	78.875.006	666.984.895.676	
Trích khấu hao	29.133.462.211	57.234.556.075	8.598.140.064	2.060.736.751	24.099.995	97.050.995.096	
Tăng khác	-	-	2.458.295	8.976.515.832	-	8.978.974.127	
Phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	(673.376.792)	(10.418.433.510)	(1.258.575.491)	(1.317.695.816)	(21.650.000)	(13.689.731.609)	
Giảm khác	(2.188.533.673)	(15.111.591.835)	(1.052.190.518)	(4.490.200.789)	(16.000.000)	(22.858.516.815)	
Tại ngày 31/12/2013	229.437.451.603	430.586.342.994	57.869.756.169	18.507.740.708	65.325.001	736.466.616.475	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2013	271.744.037.030	241.956.703.746	36.752.576.045	16.252.914.962	39.174.994	566.745.406.777	
Tại ngày 31/12/2013	335.383.446.876	293.146.183.391	31.342.499.909	5.210.408.375	15.074.999	665.097.613.550	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Giá trị quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2013	79.033.164.123	1.766.441.665	4.090.833.801	84.890.439.589
Tăng khác	248.336.016	146.520.000	-	394.856.016
Giảm khác	-	(65.590.000)	(1.442.194.375)	(1.507.784.375)
Tại ngày 31/12/2013	79.281.500.139	1.847.371.665	2.648.639.426	83.777.511.230
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2013	4.779.016.657	1.590.241.107	904.370.375	7.273.628.139
Trích khấu hao	1.019.825.724	97.869.855	174.909.136	1.292.604.715
Giảm khác	-	(23.590.000)	(20.666.656)	(44.256.656)
Tại ngày 31/12/2013	5.798.842.381	1.664.520.962	1.058.612.855	8.521.976.198
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2013	74.254.147.466	176.200.558	3.186.463.426	77.616.811.450
Tại ngày 31/12/2013	73.482.657.758	182.850.703	1.590.026.571	75.255.535.032

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	175.632.227.555	222.026.812.164
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	546.451.273	546.451.273
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành (*)	169.669.634.977	55.978.527.640
Máy tiện đứng của Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	-	6.514.894.484
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	5.176.814.000	70.030.376.550
Dự án Nhà máy cáp Sài Gòn của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	88.328.000.000
Công trình khác	239.327.305	628.562.217
Mua sắm tài sản cố định	17.454.714.413	17.055.404.913
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	15.100.000.000	15.100.000.000
Hệ thống Máy phóng điện Cục bộ	2.344.320.000	-
Các tài sản khác	10.394.413	1.955.404.913
Sửa chữa lớn tài sản cố định	623.675.329	1.982.745.966
Máy móc thiết bị của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	593.592.317	1.982.745.966
Các tài sản khác	30.083.012	-
	193.710.617.297	241.064.963.043

(*) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư 443,9 tỷ đồng, thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, thời gian thực hiện từ quý 2 năm 2009 và dự kiến hoàn thành vào quý 2 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	456.459.772.656	476.234.730.612
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	20.607.671.165	20.882.507.313
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.884.259.089	5.920.976.978
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	110.513.746.024	97.262.616.902
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	319.454.096.378	352.168.629.419
Đầu tư dài hạn khác	11.915.508.445	15.251.234.056
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.306.196.000)	(1.293.174.000)
	467.069.085.101	490.192.790.668

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Thành phố Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	28,54%	35,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	2.178.670.000
Góp vốn vào Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	4.995.833.299
Góp vốn vào Công ty CP Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301
Góp vốn vào Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	260.000.000
Cho vay dài hạn của Công ty CP Khí cụ điện I	1.323.993.845	913.526.445
Đầu tư dài hạn khác	2.100.000.000	5.846.193.011
	11.915.508.445	15.251.234.056

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	11.088.358.801	2.398.716.577
Chi phí thuê đất	95.317.732.713	56.581.113.270
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.078.998.547	5.403.273.707
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.919.351.892	1.804.357.257
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.867.488.542	14.259.968.914
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.346.087.641	7.658.255.299
	120.618.018.136	88.105.685.024

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	727.606.616.584	666.152.731.538
Vay ngân hàng	700.976.821.655	600.945.914.039
Vay đối tượng khác	26.629.794.929	65.206.817.499
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.213.224.124	22.546.298.984
Vay dài hạn đến hạn trả	15.213.224.124	22.546.298.984
(Xem thuyết minh 18)		
	742.819.840.708	688.699.030.522

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	232.718.261.071	234.528.681.966
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	45.528.365.260	292.374.873
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai	52.665.875.017	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	18.807.149.357	12.974.210.980
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	1.480.150.300	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	8.135.303.554	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	75.830.066.385	88.435.764.017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	73.897.428.909	33.130.270.403
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	73.172.961.163	129.279.961.300
Ngân hàng TMCP Quân đội	8.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	107.241.260.639	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn	3.500.000.000	-
Ngân hàng China Trust	-	62.409.145.900
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Biên Hòa	-	14.895.504.600
Công đoàn Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	900.000.000	800.000.000
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	-	18.706.000.000
Công đoàn Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	25.729.794.929	45.600.817.499
	727.606.616.584	666.152.731.538

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	1.025.224.124	3.420.298.984
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	4.938.000.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000
	15.213.224.124	22.546.298.984

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	15.078.738.402	13.844.819.246
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.274.609.686	644.037.474
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.830.446.341	25.420.561.198
Thuế Thu nhập cá nhân	1.621.225.058	2.386.106.196
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	3.162.750	2.008.079.700
Các loại thuế khác	277.841.452	621.488.165
	56.086.023.689	44.925.091.979

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.850.000.000
Trích trước chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	-	64.806.222.317
Chi phí lãi vay phải trả	817.820.840	974.998.090
Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	5.003.504.299	6.328.075.144
Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	58.888.512.113	48.730.391.528
Chi phí hoa hồng của Công ty CP Thiết bị điện	8.974.118.854	3.847.479.504
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
Trích trước chi phí giá vốn công trình	4.678.289.635	3.477.000.000
Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	8.184.917.612	-
Chi phí phải trả khác	5.667.498.102	3.645.698.883
	95.285.536.955	139.730.740.966

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	8.235.997.048	9.301.943.268
Kinh phí công đoàn	5.809.021.428	4.727.195.309
Bảo hiểm xã hội	110.091.548	83.209.098
Bảo hiểm y tế	86.368.481	99.537.215
Bảo hiểm thất nghiệp	124.192.925	90.689.525
Phải trả về cổ phần hoá	-	113.550.911.413
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	306.563.485.700	256.943.196.179
Phải trả cổ tức cho cổ đông	28.940.000	134.267.100.000
Phải trả lãi vay	2.921.030.583	2.011.084.509
Đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	1.133.046.560	1.133.046.560
Phải trả, phải nộp khác	16.220.123.567	107.088.295.126
	361.232.297.840	649.296.208.202

18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	42.825.353.442	64.617.030.832
Vay ngân hàng	256.664.442	7.860.341.832
Vay đối tượng khác	42.568.689.000	56.756.689.000
	42.825.353.442	64.617.030.832

Chi tiết vay dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	6.594.991.410
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	256.664.442	1.265.350.422
Công ty Đầu tư tài chính Việt Nam	42.568.689.000	56.756.689.000
	42.825.353.442	64.617.030.832

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012									
Tại ngày 01/01/2012	1.400.000.000.000	-	(30.000.000)	(598.163.827)	7.221.052.884	10.028.567.388	433.500.000	458.564.488.270	1.875.619.444.715
Tăng vốn	-	-	-	-	15.556.107.405	9.064.504.618	400.000.000	-	25.020.612.023
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	384.177.349.356	384.177.349.356
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(383.413.240.826)	(383.413.240.826)
Tăng khác	-	-	30.000.000	598.163.827	7.564.789.848	15.129.579.696	-	-	23.322.533.371
Giảm khác	-	-	-	-	(7.930.951.427)	(8.482.660.919)	(617.494.600)	(38.647.627.830)	(55.678.734.776)
Tại ngày 31/12/2012	1.400.000.000.000	-	-	-	22.410.998.710	25.739.990.783	216.005.400	420.680.968.970	1.869.047.963.863
Năm 2013									
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	-	22.410.998.710	25.739.990.783	216.005.400	420.680.968.970	1.869.047.963.863
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	309.553.355.382	309.553.355.382
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	8.211.745.437	8.829.726.213	130.268.938	(214.066.963.074)	(196.895.222.486)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	47.513.826.624	-	-	-	-	-	55.549.660.145	103.063.486.769
Quy đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	819.607.405	-	-	-	-	819.607.405
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(5.025.000.000)	-	-	-	-	-	(5.025.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(546.938.147)	(65.058.253)	(160.177.623)	(80.688.665)	(852.862.688)
Tại ngày 31/12/2013	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	30.075.806.000	34.504.658.743	186.096.715	571.636.332.758	2.079.711.328.245

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 45/TBĐVN/NQ-DHCD ngày 26 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng	100,00%	179.038.035.228
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1,12%	2.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,35%	6.000.000.000
Trích Quỹ thường Ban điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	0,50%	895.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	93,83%	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,20%	2.143.035.228

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	100%	1.400.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	(Trình bày lại)
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>1.400.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>1.400.000.000.000</i>	<i>1.400.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.000.000.000	154.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>168.000.000.000</i>	<i>154.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>140.000.000</i>	<i>140.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>500.000</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>139.500.000</i>	<i>140.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng Công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.075.806.000	22.410.998.710
Quỹ dự phòng tài chính	34.504.658.743	25.739.990.783
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	186.096.715	216.005.400
	64.766.561.458	48.366.994.893

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	4.939.157.673.301	3.776.898.352.673
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	2.307.579.067.814	2.341.326.479.817
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.914.620.392	101.834.522.904
Doanh thu về hợp đồng xây dựng	22.608.490.427	11.321.362.987
	7.397.259.851.934	6.231.380.718.381

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	138.714.868	-
Hàng bán bị trả lại	9.037.952.311	7.558.735.304
	9.176.667.179	7.558.735.304

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	4.930.279.993.996	3.769.339.617.369
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	2.307.405.242.667	2.341.326.479.817
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	127.789.457.665	101.834.522.904
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	22.608.490.427	11.321.362.987
	7.388.083.184.755	6.223.821.983.077

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.032.466.632.479	2.978.442.111.641
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.209.332.152.282	2.214.677.910.586
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.347.302.547	59.126.605.880
Giá vốn của hoạt động xây dựng	20.721.249.050	10.565.192.226
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	60.746.354	35.236.992
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.755.853)	(4.251.509.752)
	6.328.873.326.859	5.258.595.547.573

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	48.256.237.208	68.175.088.423
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.027.889.843	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	609.066.000	90.698.374.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.093.294.335	1.644.560.002
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	791.063.721	111.706.122
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.890.910	1.299.916.434
	52.925.442.017	161.929.645.381

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	92.961.435.440	75.966.119.079
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	6.866.875.351	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.442.184.378	2.907.901.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.874.807	86.380.608
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.571.903.900	9.761.036.920
Chi phí tài chính khác	431.384.386	35.018.494.476
	105.276.658.262	123.739.932.398

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	15.529.713.878	11.621.848.889
Chi phí nhân công	24.330.328.931	21.158.766.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.914.688.665	1.798.087.689
Chi phí bảo hành	11.842.415.174	(15.533.967.380)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.842.853.336	48.081.028.346
Chi phí khác bằng tiền	143.633.440.024	92.109.531.799
	253.093.440.008	159.235.296.212

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	15.371.585.057	66.438.069.910
Chi phí nhân công	123.067.127.248	60.350.066.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.212.415.109	37.786.358.982
Thuế, phí, lệ phí	14.398.157.139	19.171.458.293
Chi phí dự phòng	19.395.483.775	(17.693.102)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.894.169.200	33.382.052.206
Chi phí khác bằng tiền	78.818.819.657	74.746.773.222
	294.157.757.185	291.857.085.544

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	5.723.057.347	1.108.588.949
Thu nhập từ bất lợi thương mại	985.647.191	-
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	4.130.692.928	-
Thu nhập khác	3.342.736.643	4.961.749.586
	14.182.134.109	6.070.338.535

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	3.470.071.673	358.582.599
Chi phí khác	2.084.966.123	1.359.151.370
	5.555.037.796	1.717.733.969

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	123.722.511.887	110.770.065.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.382.096.668)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	122.340.415.219	110.770.065.475

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.975.489.987	5.297.407.168
	2.975.489.987	5.297.407.168

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	495.237.785	597.187.533
	495.237.785	597.187.533

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.291.148.039	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(76.487.889)	4.111.171.346
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	41.022.727	-
	1.255.682.877	4.111.171.346

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	309.553.355.382	384.177.349.356
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	309.553.355.382	384.177.349.356
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	139.780.344	140.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.215	2.744

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.047.635.309.832	2.920.459.390.890
Chi phí nhân công	249.321.423.835	237.763.800.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.343.599.811	57.548.243.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.063.998.004	101.995.593.169
Chi phí khác bằng tiền	194.482.796.141	181.494.500.024
	4.666.847.127.623	3.499.261.528.495

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.352.346.689	-	704.858.745.045
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.045.295.820.032	(48.840.715.762)	894.767.459.834
Đầu tư ngắn hạn	294.156.148.242	(16.609.555.800)	300.611.156.200
Đầu tư dài hạn	11.915.508.445	(1.306.196.000)	15.251.234.056
	1.845.719.823.408	(66.756.467.562)	1.915.488.595.135
			(45.678.837.987)
		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		785.645.194.150	753.316.061.354
Phải trả người bán, phải trả khác		948.386.070.325	1.086.980.112.703
Chi phí phải trả		95.285.536.955	139.730.740.966
		1.829.316.801.430	1.980.026.915.023

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.352.346.689	-	-	494.352.346.689
Phải thu khách hàng, phải thu khác	996.455.104.270	-	-	996.455.104.270
Đầu tư ngắn hạn	277.546.592.442	-	-	277.546.592.442
Đầu tư dài hạn	-	10.609.312.445	-	10.609.312.445
	1.768.354.043.401	10.609.312.445	-	1.778.963.355.846
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	704.858.745.045	-	-	704.858.745.045
Phải thu khách hàng, phải thu khác	865.432.469.747	-	-	865.432.469.747
Đầu tư ngắn hạn	285.560.482.300	-	-	285.560.482.300
Đầu tư dài hạn	-	13.958.060.056	-	13.958.060.056
	1.855.851.697.092	13.958.060.056	-	1.869.809.757.148

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	742.819.840.708	42.825.353.442	-	785.645.194.150
Phải trả người bán, phải trả khác	944.100.436.333	4.285.633.992	-	948.386.070.325
Chi phí phải trả	95.285.536.955	-	-	95.285.536.955
	1.782.205.813.996	47.110.987.434	-	1.829.316.801.430
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	688.699.030.522	64.617.030.832	-	753.316.061.354
Phải trả người bán, phải trả khác	1.083.094.478.711	3.885.633.992	-	1.086.980.112.703
Chi phí phải trả	139.730.740.966	-	-	139.730.740.966
	1.911.524.250.199	68.502.664.824	-	1.980.026.915.023

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.930.279.993.996	2.307.405.242.667	150.397.948.092	7.388.083.184.755	-	7.388.083.184.755
Chi phí bộ phận trực tiếp	4.032.472.622.980	2.209.332.152.282	87.068.551.597	6.328.873.326.859	-	6.328.873.326.859
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	897.807.371.016	98.073.090.385	63.329.396.495	1.059.209.857.896	-	1.059.209.857.896
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.905.562.372.533	829.436.682.954	50.725.425.037	3.785.724.480.524	-	3.785.724.480.524
Tài sản không phân bổ	-	-	-	951.072.112.407	-	951.072.112.407
Tổng tài sản	2.905.562.372.533	829.436.682.954	50.725.425.037	4.736.796.592.931	-	4.736.796.592.931
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.438.642.656.562	664.571.865.416	47.995.450.864	2.151.209.972.842	-	2.151.209.972.842
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	51.659.104.078	-	51.659.104.078
Tổng nợ phải trả	1.438.642.656.562	664.571.865.416	47.995.450.864	2.202.869.076.920	-	2.202.869.076.920

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.084.318.500	1.253.956.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	456.436.326	454.472.689
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	6.247.720.765	-
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	689.495.349.870	539.690.834.311
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	818.152.800	912.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	343.125.000	375.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	2.385.120.000	2.981.400.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	360.000.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	6.965.299.760	7.570.978.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		VND	VND
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.172.101.950	1.179.351.600
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	5.457.237	5.457.237
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	166.115.015.159	55.683.243.158
Phải thu vốn cho vay			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	405.652.800	225.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.066.000.000	4.066.000.000

11110
CÔNG T
NHÌEM H
VG KIỂM
AAS
V KIỂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

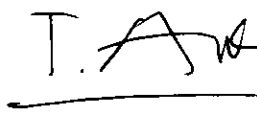
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố như đã trình bày tại thuyết minh số 3.



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

